

男A分組一覽

男A-A組	
1	李天朗 KT
2	莫殷澍 WC
3	江晉艇 ST
4	謝展程 TM
5	BYE

男A-B組	
1	商晉瑋 HMT
2	蔡居宏 WC
3	潘翱 TW
4	黃旭謙 CW
5	BYE

男A-C組	
1	陳柏希 TW
2	陳浩柏 KT
3	陳瑞昊 TP
4	馮諾禮 ST
5	BYE

男A-D組	
1	鄭恩樂 WC
2	陳敬延 HMT
3	黎卓軒 CW
4	饒力揚 TM
5	BYE

男A-E組	
1	田宇皓 CW
2	曾俊華 TM
3	李俊傑 WC
4	林晉寬 KT
5	BYE

男A-F組	
1	譚旻軒 HMT
2	黃煒傑 ST
3	溫志權 TP
4	黃宇陸 TW
5	BYE

男A-G組	
1	黎文鋒 KT
2	胡啟桑 ST
3	方嘉麟 TM
4	張懷聰 TW
5	BYE

男A-H組	
1	黃栢軒 HMT
2	陳璿慙 WC
3	雷悅謙 TM
4	王子恒 CW
5	BYE

男A-J組	
1	蕭敬軒 WC
2	李穎童 TW
3	畢旨泓 TP
4	楊旻津 CW
5	BYE

男A-K組	
1	高俊傑 HMT
2	劉柏昕 KT
3	梁競夫 ST
4	何柏毅 TM
5	BYE

男A-L組	
1	楊仲軒 TW
2	王天佑 CW
3	蘇旭暉 KT
4	李明治 HMT
5	陳傲朗 TP

男A-M組	
1	陳允祈 TM
2	梁榮基 HMT
3	陳雋琛 ST
4	陳朗豐 WC
5	BYE

男A-N組	
1	袁承謙 KT
2	李宛駿 TM
3	李呈 WC
4	黃亦熙 CW
5	BYE

男A-P組	
1	羅上程 HMT
2	劉家志 TM
3	陳正皓 TW
4	陳政希 ST
5	BYE

男A-Q組	
1	李梓銓 KT
2	陶展泓 CW
3	鄭皓匡 HMT
4	賀樂天 ST
5	BYE

男A-R組	
1	曾憲泓 TW
2	陶俊雄 WC
3	鍾震琦 TP
4	李商賢 TM
5	BYE

男B分組一覽

男B-A組	
1	姚日謙 ST
2	范焯橋 TW
3	劉卓謙 CW
4	BYE
5	BYE

男B-B組	
1	葉栩麟 TP
2	袁學林 KT
3	林誠至 ST
4	鄧喆 TM
5	BYE

男B-C組	
1	湯栢翹 KT
2	王凱祺 CW
3	曾俊斌 TP
4	陳朗然 WC
5	BYE

男B-D組	
1	何胤廷 HMT
2	黃梓皓 ST
3	許煜梵 TP
4	劉晉揚 TW
5	BYE

男B-E組	
1	容志恆 ST
2	莫浩雲 TP
3	史天朗 WC
4	阮泓熹 TW
5	BYE

男B-F組	
1	黃曉峰 CW
2	鄭智聰 KT
3	何睿軒 HMT
4	梁正言 TM
5	BYE

男B-G組	
1	丘浚亨 WC
2	周厚奎 KT
3	林栢灝 HMT
4	陳智毅 TW
5	BYE

男B-H組	
1	李皓賢 ST
2	羅卓桀 TM
3	徐兆宇 TP
4	BYE
5	BYE

男B-J組	
1	凌子悅 ST
2	麥健蕃 HMT
3	王偉駿 TP
4	BYE
5	BYE

男B-K組	
1	周厚陽 KT
2	鍾諾琛 TM
3	朱偉賢 TW
4	陳俊熹 CW
5	BYE

男B-L組	
1	姜栢桑 ST
2	麥子浩 KT
3	葉勁霖 TM
4	梁煒彥 TW
5	BYE

男B-M組	
1	蔡穎朗 WC
2	呂鍵灝 HMT
3	阮鴻樟 TP
4	麥敬滔 CW
5	BYE

男B-N組	
1	任樂謙 ST
2	范立衡 TW
3	黃曉峰 KT
4	張亦弛 WC
5	BYE

男B-P組	
1	陳浚瑄 CW
2	陳梓皓 TP
3	薛聖熹 KT
4	戴逸朗 TM
5	BYE

男B-Q組	
1	鄭博聰 KT
2	藍昊熙 CW
3	廖詠智 ST
4	周卓謙 TP
5	BYE

男B-R組	
1	黎子健 TW
2	黃樂 HMT
3	袁俊華 ST
4	BYE
5	BYE